

Số: **36** /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày **11** tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn
Ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Xét Báo cáo số 564/BC-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tổng nguồn

Điều chỉnh tăng tổng nguồn vốn **50 tỷ đồng**, nâng tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 từ **3.405,612 tỷ đồng** lên **3.455,612 tỷ đồng**, trong đó, tăng từ thu sử dụng đất cấp tỉnh 20 tỷ



đồng, tăng 30 tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi để bổ sung tăng vốn thực hiện tăng quy mô dự án tỉnh lộ 1 (*chi tiết như phụ 01 đính kèm*).

2. Điều chỉnh nội bộ các nguồn

a) Đối với nguồn sử dụng đất cấp tỉnh:

- Điều chỉnh tăng, giảm nội bộ của 4 dự án sử dụng vốn sử dụng đất với số tiền **4,937 tỷ đồng**, để thanh toán nợ và hoàn ứng ngân sách.

- Bổ sung từ nguồn tăng thu sử dụng đất cấp tỉnh 20 tỷ đồng cho dự án cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa để thanh toán nợ và hoàn ứng ngân sách.

b) Đối với nguồn xổ số kiến thiết:

- Điều chỉnh giảm nội bộ **18,187 tỷ đồng** từ các nguồn: giảm 10 tỷ đồng từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt; giảm 2,37 tỷ đồng từ dự án hỗ trợ xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (do dự án không còn nhu cầu vốn để thanh toán); giảm 5,817 tỷ đồng từ nguồn dự phòng cho lĩnh vực y tế.

- Điều chỉnh tăng **18,187 tỷ đồng** để thực hiện các nhiệm vụ: Tăng 714 triệu đồng để thanh toán nợ cho 04 dự án trạm y tế xã, phần còn lại 17,473 tỷ đồng để thực hiện đối ứng ngân sách địa phương cho dự án mạng lưới y tế cơ sở (khoảng 2 tỷ đồng) nếu dự án đi vào thực hiện vào năm 2020 và bổ sung vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (theo quy định tại Điểm e, Khoản 4, Điều 1 Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 của Bộ Tài chính).

c) Nguồn cân đối ngân sách địa phương:

- Nguồn vốn cân đối cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

+ Điều chỉnh giảm **37,9 tỷ đồng**, trong đó: giảm 27,9 tỷ đồng kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng của Trường cao đẳng cộng đồng (do đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch phân khu theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh nên không có khả năng giải ngân trong giai đoạn 2016-2020); giảm 10 tỷ đồng từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục đào tạo.

+ Điều chỉnh tăng **22,9 tỷ đồng** để thực hiện các nội dung: thanh toán quyết toán và khối lượng hoàn thành 10,476 tỷ đồng, bổ sung nguồn vốn thực hiện phân cấp đầu tư cho ngân sách cấp huyện thực hiện tiêu chí giáo dục trong xây dựng nông thôn mới 12,424 tỷ đồng. Phần còn lại **15 tỷ đồng** để điều chỉnh sang lĩnh vực đầu tư khác (do lĩnh vực giáo dục đào tạo đã bố trí vốn đủ để đầu tư hết các danh mục có trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020. Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn tỉnh đang thực hiện đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường công lập nên khả năng sẽ có sự dôi dư về cơ sở hạ tầng).

- Nguồn vốn cân đối cho lĩnh vực khoa học công nghệ:

+ Điều chỉnh giảm **18,997 tỷ đồng**, gồm: giảm 5 tỷ đồng của dự án nâng cao năng lực cho trung tâm thông tin ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk

Nông; giảm 10 tỷ đồng của dự án xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, do dự án không đáp ứng tiến độ thực hiện và giải ngân; giảm 3,997 tỷ đồng kinh phí thực hiện chính sách của nhà nước phát triển khoa học công nghệ, do sau khi rà soát đến năm 2020 không có dự án thụ hưởng.

+ Điều chỉnh tăng **2,6 tỷ đồng** để thanh toán khối lượng cho 02 dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2020. Số tiền còn lại **16,397 tỷ đồng** điều chỉnh phân bổ cho lĩnh vực khác, do lĩnh vực khoa học công nghệ không còn dự án đủ điều kiện để bố trí kế hoạch vốn.

- Nguồn vốn cân đối cho lĩnh vực khác:

+ Điều chỉnh giảm **89,845 tỷ đồng**, bao gồm: giảm 39,661 tỷ đồng từ nguồn vốn của các dự án thanh toán nợ, chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016 -2020 và các dự án Trung ương ngừng hỗ trợ; giảm **17,988** tỷ đồng từ nguồn đối ứng dự án ODA; giảm **11,3** tỷ đồng từ các dự án khởi công mới; giảm 13,009 tỷ đồng từ nguồn vốn dự nguồn thực hiện các Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, đối ứng các dự án PPP, thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư ngoài lĩnh vực Y tế, giáo dục, Khoa học công nghệ; **giảm 7,887** tỷ đồng từ nguồn bố trí quyết toán cho các dự án chờ quyết toán.

+ Điều chỉnh tăng **121,242 tỷ đồng** (bao gồm 15 tỷ đồng của lĩnh vực giáo dục đào tạo; 16,397 tỷ đồng của lĩnh vực khoa học công nghệ) để thực hiện các nội dung: tăng 12,19 tỷ đồng cho các dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành chuyển sang giai đoạn 2016 -2020; tăng 17,988 tỷ đồng để đối ứng dự án ODA mới ký hiệp định, dự án đang triển khai cần vốn đối ứng để thực hiện; tăng 91,064 tỷ đồng cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trong giai đoạn, hạn chế chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 (trong đó tăng 1,832 tỷ đồng để thanh toán quyết toán cho 04 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2017; tăng 89,232 tỷ đồng cho các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2018-2020).

+ Bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 với số tiền 30 tỷ đồng từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi để thực hiện dự án nâng cấp, sửa chữa tình lộ 1.

(Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm)

* Ngoài ra, bổ sung thêm 17 tỷ đồng từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi để: sửa chữa lớn đối với các hạng mục đã xuống cấp của 02 dự án: Cải tạo, sửa chữa Trung tâm hội nghị tỉnh 4 tỷ đồng; Sửa chữa trung tâm văn hóa tỉnh 3 tỷ đồng, để phục vụ và chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh năm 2020; Kinh phí hỗ trợ thực hiện GPMB cho dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu theo Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh 10 tỷ đồng (số tiền thực hiện 03 dự án này, không tính trong tổng nguồn vốn trung hạn 2016-2020 đã nêu ở trên).

(Chi tiết như phụ lục 03 đính kèm)

Năm 2020 là năm cuối thực hiện kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020, để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác điều hành kế hoạch vốn, tránh lãng phí

nguồn vốn đầu tư; trường hợp nguồn vốn thuộc các lĩnh vực, dự án không giải ngân hết, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho các dự án khác có nhu cầu. Trong đó, được phép thực hiện thanh toán nợ cho các dự án quyết toán phát sinh thuộc trách nhiệm bố trí vốn của ngân sách tỉnh hoặc bổ sung vốn cho các dự án trong giai đoạn 2016-2020 mà chưa cân đối, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành trong giai đoạn.

Các nội dung khác, thực hiện theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

Phụ lục 01

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NSĐP GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 24/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Bổ sung kế hoạch trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
				Tăng	Giảm		
	TỔNG NGUỒN (A+B+C)	3,405,612	50,000	169,866	169,866	3,455,612	
A	Đầu tư từ nguồn Sử dụng đất	992,912	20,000	4,937	4,937	1,012,912	
I	Cấp huyện để lại	637,700				637,700	
II	Nguồn thu Sử dụng đất cấp tỉnh	355,212	20,000	4,937	4,937	375,212	
	Trong đó:					-	
1	Thanh toán nợ, chuyển tiếp trong giai đoạn	170,260	20,000	4,937	4,937	190,260	
2	Khởi công mới	184,952				184,952	
B	Nguồn XSKT (trong đó ưu tiên đầu tư Y tế và giáo dục)	97,000	-	18,187	18,187	97,000	
1	Thanh toán nợ	7,877				7,877	
2	Chuyển tiếp hoàn thành	7,611		-	2,370	5,241	



STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Bổ sung kế hoạch trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
				Tăng	Giảm		
3	Khởi công mới	81,512		18,187	15,817	83,882	
C	Nguồn cân đối ngân sách địa phương (bao gồm tăng thu, tiết kiệm chi...)	2,315,700	30,000	146,742	146,742	2,345,700	
	Trong đó:						
1	Đầu tư cho Giáo dục đào tạo	430,000	-	22,900	37,900	415,000	15,000
	- Thanh toán nợ trong giai đoạn	15,007		331	-	15,338	
	- Chuyển tiếp hoàn thành	88,628		5,136	-	93,764	
	- Phân cấp cho cấp huyện	48,000				48,000	
	- Khởi công mới	278,365		17,433	37,900	257,898	
2	Đầu tư cho Khoa học Công nghệ	130,000	-	2,600	18,997	113,603	16,397
	- Thanh toán nợ	8,700				8,700	
	- Chuyển tiếp hoàn thành	15,312				15,312	
	- Khởi công mới	105,988		2,600	18,997	89,591	
3	Đầu tư cho các dự án khác	1,175,050	30,000	121,242	89,845	1,236,447	
	Trong đó:					-	
	- Thanh toán nợ	80,066				80,066	
	- Chuyển tiếp hoàn thành	126,019		3,798	262	129,555	
	- Các dự án Trung ương ngừng hỗ trợ	40,204		8,392	39,399	9,197	
	- Đối ứng ODA	153,700		17,988	17,988	153,700	
	Trong đó:					-	
	+ Thanh toán nợ, chuyển tiếp	67,690			5,688	62,002	
	+ Đối ứng theo Hiệp định mới trong 2016-2017	77,010		4,988	3,300	78,698	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Bổ sung kế hoạch trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
				Tăng	Giảm		
	+ <i>Đổi ứng cho các dự án dự kiến ký hiệp định trong giai đoạn 2018-2020</i>	9,000		13,000	9,000	13,000	
	- Dự nguồn thực hiện các NQ được HĐND tỉnh ban hành; đổi ứng các dự án PPP; thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư ngoài các lĩnh vực Y tế, giáo dục, KH-CN.	20,000			13,009	6,991	
	- Bổ trí Khởi công mới 2016-2017	42,543		1,832	1,300	43,075	
	- Bổ trí Khởi công mới 2018-2020 và thanh toán nợ các dự án phát sinh trong giai đoạn	508,465	30,000	89,232	17,887	609,810	



Phụ lục số 02

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HDND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)



DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt		Kế hoạch 5 năm 2016-2020			Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
1	2	3	4	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19	0
TỔNG SỐ (A+B+C)					5,383,104	1,138,304	835,579	835,579	494,548	50,000	169,866	169,866	885,579	
A	Nguồn thu sử dụng đất				1,092,430	114,644	21,320	21,320	25,546	20,000	4,937	4,937	41,320	
1	Đầu tư các dự án hạ tầng có thu tiền sử dụng đất				1,092,430	114,644	21,320	21,320	25,546	20,000	4,937	4,937	41,320	
1	Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020				1,092,430	114,644	21,320	21,320	25,546	20,000	4,937	4,937	41,320	
1.1	Giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng thao trường tổng hợp bắn đạn thật của lực lượng vũ trang tỉnh	7004686	011	2774/QĐ-UBND 08/11/2013	17,758	17,758	10.400	10,400	10.400		341		10,741	
1.2	Hoàn ứng bồi thường, GPMB và tái định cư khu vực quy hoạch thao trường bắn đạn thật xã Đứơc Xuyên	7004686	011	1450/QĐ-UBND 17/7/2013	12,739	12,739	2.874	2,874	2,874		285		3,159	Hoàn ứng
1.3	Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7036448	283	1353/QĐ-CTUBND. 16/9/2005; 672/QĐ-UBND. 27/5/2008; 228/QĐ-UBND 21/02/2019	1.053,887	76.101			9.726	20,000	4,311		24,311	Hoàn ứng 9.726 triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
I.4	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện Krông Nô để thực hiện: Hỗ trợ bồi thường cho các hộ dân có đất bị ngập trong lòng hồ thủy lợi Đăk Rô				8,046	8,046	8,046	8,046	2,546			4,937	3,109	Hoàn ứng 3.109 triệu đồng
B	Nguồn xã số kiến thiết (Lĩnh vực y tế)				65,672	26,290	39,533	39,533	21,620	0	18,187	18,187	39,533	0
I	Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020				45,672	6,290	5,290	5,290	2,920	0	0	2,370	2,920	
I	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Đăk Nông			147/QĐ-BYT, 21/01/2011, Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 06/12/2016	45,672	6,290	5,290	5,290	2,920			2,370	2,920	
II	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020				20,000	20,000	18,426	18,426	18,700	0	714	0	19,140	
I	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020				20,000	20,000	18,426	18,426	18,700	0	714	0	19,140	
I.1	Trạm Y tế xã Đăk Wil, huyện Cư Jut, tỉnh Đăk Nông	7579987	132	564B/QĐ-UBND 30/3/2016	5,000	5,000	4,600	4,600	4,851		251		4,851	2139/QĐ-UBND 09/10/2018 của UBND huyện
I.2	Trạm y tế xã Nhân Cơ	7556783	132	348/QĐ-UBND 08/3/2016	5,000	5,000	4,626	4,626	4,626		241		4,867	2350/QĐ-UBND 20/8/2018

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
1.3	Trạm y tế xã Đắc Drô, huyện Krông Nô	7599569	132	2518/QĐ-UBND 31/10/2016	5,000	5,000	4,600	4,600	4,623		23		4,623	2376/QĐ-UBND 21/8/2018; 2950/QĐ-UBND 22/10/2018 của UBND huyện
1.4	Trạm y tế xã Trúc Sơn, huyện Cư Jut	7600123	132	3480b/QĐ-UBND 28/10/2016	5,000	5,000	4,600	4,600	4,600		199		4,799	1228/QĐ-UBND 12/6/2019 của UBND huyện
III	Kinh phí bổ sung thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định Trung ương										17,473		17,473	Đổi ứng cho dự án mạng lưới y tế 2 ty đồng
IV	Kinh phí thực hiện chính sách xã hội hóa Y tế theo Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt						10,000	10,000				10,000	0	
V	Dự phòng						5,817	5,817				5,817	0	
C	Nguồn cân đối ngân sách địa phương				4,225,002	997,370	774,726	774,726	447,382	30,000	146,742	146,742	804,726	0
I	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo				158,318	135,136	165,935	165,935	105,344	0	22,900	37,900	150,935	
1	Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020				120,459	102,877	39,743	39,743	39,743	0	5,467	0	45,210	
a	Dự án thanh toán nợ				17,582	0	0	0	0	0	331	0	331	
1.1	Công tương rào phân hiệu II trường THPT Đắc Song				1,198						23		23	47/QĐ-STC 31/05/2011

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung trung hạn			Điều chỉnh nội bộ	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									Tăng	Giảm
1.2	Nhà lớp học 9 phòng, phân hiệu II trường THPT Đắk Song					3,004					47		47	54/QĐ-STC 08/8/2011		
1.3	Trường PT DTNT huyện Krông Nô					7,542					71		71	291/QĐ-STC 14/8/2013		
1.4	Nhà hiệu bộ và trang thiết bị làm, nhà đa chức năng hạ tầng kỹ thuật phân hiệu II, trường THPT Phan Chu Trinh					5,838					190		190	356/QĐ-STC 28/10/2013		
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020					102,877	102,877	39,743	39,743	39,743	0	5,136	0	44,879		
1.5	Trường THPT chuyên tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	7387303	494	1403/QĐ-UBND, 26/10/2012; 2082/QĐ-UBND, 5/12/2013; 1093/QĐ-UBND 01/7/2016		67,745	67,745	29,743	29,743	29,743		4,300		34,043	KL nghiệm thu	
1.6	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'lấp (giai đoạn 1)	7413694	074	703/QĐ-UBND, 17/5/2013; 2416/QĐ-UBND 28/12/2016		35,132	35,132	10,000	10,000	10,000		836		10,836	493/QĐ-UBND 10/4/2019	
2	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020					37,859	32,259	26,592	26,592	31,601	0	5,009	0	31,601		
2.1	Trường trung học phổ thông Nguyễn Du (giai đoạn 2)	7558637	074	162/QĐ-SXD 28/10/2016		14,259	14,259	11,600	11,600	13,601		2,001		13,601	47/QĐ-STC 05/4/2019	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
2.2	Trường THCS Hoàng Văn Thụ, xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'Long	7602295	073	1888/QĐ-UBND 31/10/2016; 860/QĐ-UBND 24/5/2017	23.600	18.000	14.992	14.992	18.000		3.008		18.000	KL nghiệm thu
3	Thực hiện phân cấp đầu tư cho NS cấp huyện để hỗ trợ có mục tiêu tiêu chí Giáo dục trong xây dựng Nông thôn mới						33,700	33,700	16,000		12,424		46,124	
4	Đổi ứng đền bù, GPMB dự án Trường Cao đẳng cộng đồng						55,900	55,900	18,000			27,900	28,000	
5	Kinh phí thực hiện chính sách xã hội hóa Giáo dục theo Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt						10,000	10,000				10,000	0	
II	Lĩnh vực khoa học công nghệ				109,786	109,786	98,197	98,197	59,250	0	2,600	18,997	81,800	
1	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020				109,786	109,786	94,200	94,200	59,250	0	2,600	15,000	81,800	
a	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2017				74,786	74,786	64,200	64,200	58,200	0	2,600	5,000	61,800	
1.1	Nâng cao năng lực cho Trung tâm Thông tin ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông.	7560159	103	501/QĐ-UBND 31/3/2016; 1426/QĐ-UBND 01/9/2017	33.448	33.448	28.250	28.250	22.250			5.000	23.250	89%
1.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020	7593784	373	1891/QĐ-UBND 31/10/2016	14.991	14.991	12.000	12.000	12.000		1.500		13.500	90%

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung trung hạn			Điều chỉnh nội bộ	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									Tăng	Giảm
1.3	Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	7564669	373	2011/QĐ-UBND 15/7/2016; 921/QĐ-UBND 13/6/2018	26,347	26,347	23,950	23,950	23,950			1,100		25,050	KL nghiệm thu	
b	Các dự án khởi công mới 2018-2020				35,000	35,000	30,000	30,000	1,050	0	0	10,000	20,000			
1.3	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông	7725122	103	1719/QĐ-UBND 31/10/2018	35,000	35,000	30,000	30,000	1,050			10,000	20,000			
2	Kinh phí thực hiện chính sách của nhà nước phát triển KHCN.						3,997	3,997				3,997	0			
III	Lĩnh vực khác				3,956,898	752,448	510,594	510,594	282,788	30,000	121,242	89,845	571,991			
1	Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020				1,840,687	118,678	122,488	122,488	57,502	0	12,190	39,661	95,017			
a	Các dự án Ngân sách trung ương dừng hỗ trợ				1,806,826	94,629	108,427	108,427	43,738	0	8,392	39,399	77,420			
1.1	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Đắk G'long	7092028	341	1190/QĐ-UBND, 01/8/2013	36,567						833		833	950/QĐ-UBND 26/6/2019		
1.2	Cải tạo, sửa chữa 04 nhà Văn hóa cộng đồng				400						3		3	119/QĐ-UBND 25/7/2019		
1.3	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản	7391958	463	169/QĐ-SKH, 31/10/2012	7,280						28		28	110/QĐ-UBND 18/7/2019		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt		Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP	Bổ sung trung hạn			Điều chỉnh nội bộ	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							Tăng	Giảm
1.4	Sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông (để chuẩn bị trụ sở làm việc cho ban quản lý dự án giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên tỉnh Đắk Nông)					3,709					35	35	06/QĐ-STC 30/01/2019	
1.5	Hồ Thác Hôn, xã Đức Mạnh	7363877	016	2233/QĐ-UBND, 29/12/2010; 1489/QĐ-UBND, 07/10/2014		44,478					76	76	KL nghiệm thu	
1.6	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi Đầm Giò					10,763					460	460	1945/QĐ-UBND 30/11/2018	
1.7	Đường vào xã Đắk R'Moan, thị xã Gia Nghĩa					26,082					2,437	2,437	2163/QĐ-UBND 27/12/2018	
1.8	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 ra cửa khẩu Đăk Peur	7246221				35,165					373	373	2184/QĐ-UBND 28/12/2018	
1.9	Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7036448	283	1353/QĐ-CTUBND, 16/9/2005; 672/QĐ-UBND, 27/5/2008; 228/QĐ-UBND 21/02/2019		1,053,887	76,101	76,101	76,101	34,136		24,311	51,790	
1.10	Danh mục thanh toán nợ TPCP của giai đoạn trước đây							13,398	13,398			13,398	0	Danh mục tại Công văn số 1587/UBND-KTKH ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
1.11	Cụm công trình thủy lợi Đắc Rồ - Đắc Diêr				285,001	18,528	18,528	18,528	9,543		1,485	17,043	KL nghiệm thu	
1.12	Hồ Bắc Sơn I, xã Đắc Gắn			1117/QĐ-UBND 31/8/2012	31,500						915	915	KL nghiệm thu	
1.13	Đường số 01 trục Bắc Nam, đô thị Gia Nghĩa	7032921	223	05/QĐ-UBND, 06/01/2016	96.119						273	273	KL nghiệm thu	
1.14	Đường vào xã Đắc Ru (giai đoạn 1)			1143/QĐ-UBND 30/7/2010	9,040		0				192	192	548/QĐ-UBND 20/4/2015	
1.15	Đường hầm sỏi Đắc Rồ đi Năm Nung			49/QĐ-SKH 28/6/2007	5,732		0				45	45		
1.16	Đường giao thông Nam Dong-Đắc Wil				9,448		0				60	60		
1.17	Thủy lợi Đắc Lép, xã Đắc N'drung			116/QĐ-SKH, 10/8/2006; 69/QĐ-SKH, 17/10/2011	8,361		341	341			205	136	396/QĐ-STC 10/12/2013	
1.18	Thủy lợi thôn 8 xã Đắc Sin			72/QĐ-SKH 27/6/2008	8,363		0				111	111	17/QĐ-STC 04/3/2015	
1.19	Thủy lợi Quảng Hòa, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắc R'lấp			77/QĐ-SKH 27/6/2008	5,336		0				71	71	177/QĐ-STC 23/6/2014	
1.20	CTTL Đắc Nhai			51/QĐ-SKH 12/4/2006; 84/QĐ-SKH 07/7/2008	11,352		0				134	134	300/QĐ-STC 30/12/2014	
1.21	CTTL Đắc Kuăl			1491/QĐ-UBND 01/12/2006; 720/QĐ-UBND 15/5/2009	18,722		0				312	312	404/QĐ-UBND 29/3/2019	
1.22	Hồ chứa nước Thuận Tân xã Thuận Hạnh			1436/QĐ-UBND 20/10/2009	11,641		0				134	134	625/QĐ-UBND 28/6/2012	
1.23	Hồ chứa nước N'Jer Buôn Cây Xoài			962/QĐ-UBND 29/5/2009	5,631		0				125	125		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
1.24	CTTL Đắk Mruong			823/QĐ-UBND 30/8/2006	2,402		0				347		347	
1.25	Thủy lợi Da Dung			380/QĐ-SKH 23/11/2004; 1642/QĐ-UBND 06/7/2009	4,972		0				211		211	
1.26	Nâng cấp thủy lợi Sapa-Bu Đắc, bon bu Đắc, xã Thuận an			181/QĐ-UBND, 30/10/2008; 162/QĐ-UBND, 28/10/2009	7,729		59	59	59		53		112	175/QĐ-STC 12/6/2013
1.27	Đập dâng Đắk Tih 1, xã Đắk R'Tih			1474/QĐ-UBND 15/12/2008	6,997		0				109		109	
1.28	Sửa chữa, nâng cấp hạng mục đầu mối công trình thủy lợi Đắk Nang, huyện Krông Nô			1261/QĐ-UBND 6/11/2008	12,132		0				16		16	1993/QĐ-UBND 27/12/2014
1.29	Thủy lợi Đắk Xá, xã Quảng Tín			33/QĐ-SKH 02/02/2010	5,303		0				20		20	
1.30	Thủy lợi Đắk Krung			878/QĐ-UBND 09/7/2007	4,990		0				17		17	
1.31	Thủy lợi thôn 2, xã Đắk Sin			79/QĐ-SKH 05/9/2007; 33/QĐ-UBND 02/02/2010	10,043		0				100		100	
1.32	Thủy lợi Đắk R'Ma			1487/QĐ-UBND 30/9/2011	9,425		0				743		743	895/QĐ-UBND 26/6/2012
1.33	Thủy lợi Đắk Ké 2			612/QĐ-UBND 9/5/2011	14,996		0				62		62	1072/QĐ-UBND 28/6/2012
1.34	Công trình Hồ chứa nước Đắk Rĩa, xã Đắk Nĩa			277/QĐ-UBND 09/6/2010	3,260		0				97		97	
b	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				33,861	24,049	14,061	14,061	13,764	0	3,798	262	17,597	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
1.35	Điểm trường tiểu học - mẫu giáo, điểm sinh hoạt cộng đồng, thuộc dự án quy hoạch di dời dân cư vùng ngập lụt thôn Nam Dao, xã Năm N"Dir, huyện Krông Nô.	7444951	071	1861/QĐ-UBND 23/11/2010; 51/QĐ-SKH 09/09/2011; 184/QĐ-SKH 10/9/2014	2,973	1,200	1,200	1,200	903			262	938	161/QĐ-STC 22/10/2019
1.36	Bổ sung công nghệ, thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Tâm Thắng	7479595	283	1584/QĐ-UBND, 20/10/2014; 88/QĐ-SXD 7/7/2016; 24/QĐ-SXD 28/3/2017; 135/QĐ-SXD 27/7/2018	21,076	21,076	12,861	12,861	12,861			2,298	15,159	1904/QĐ-UBND 25/11/2019
1.37	Trụ sở làm việc Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp	7367684	463	205/QĐ-SKH 31/12/2010; 908/QĐ-UBND, 24/6/2015	9,812	1,773						1,500	1,500	Đổi ứng NSTW
2	Đổi ứng các dự án ODA				1,551,285	212,308	78,049	78,049	25,000	0	17,988	17,988	78,049	
a	Các dự án ODA chuyển tiếp, hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020				455,238	68,644	43,688	43,688	25,000	0	0	5,688	38,000	
2.1	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên (các tiểu dự án ban đầu)			1261/QĐ-BNN-HTQT, 04/6/2013, 3168/QĐ-BNN-KH ngày 28/7/2016	455,238	68,644	43,688	43,688	25,000			5,688	38,000	
b	Các dự án ODA ký Hiệp định vay trong giai đoạn 2016-2017				517,181	30,973	25,361	25,361	0	0	4,988	3,300	27,049	
2.2	Dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2, tỉnh Đắk Nông			696/QĐ-UBND 18/5/2015	287,551	8,304	8,300	8,300				3,300	5,000	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
2.3	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	7593791		4638/QĐ-BNN-HTQT 09/44/2015	229,630	22,669	17,061	17,061			4,988		22,049	
c	Dự án đã ký Hiệp định vay trong giai đoạn 2018-2020				578,866	112,691	0	0	0	0	13,000	0	13,000	
2.4	Chương trình phát triển giáo dục trung học, giai đoạn 2 do ADB tài trợ - Tiểu dự án Đắk Nông				27,551	2,552					2,000		2,000	
2.5	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014 - 2020	7487081	302	3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2017; 182/QĐ-UBND 30/01/2019	34.600	4.600					1,000		1,000	
2.6	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông				516.715	105.539					10,000		10,000	
d	Dự phòng cho các dự kiến ký Hiệp định vay trong giai đoạn 2018-2020						9,000	9,000				9,000	0	
3	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020				564,926	421,462	282,170	282,170	195,630	30,000	91,064	11,300	391,934	
a	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2017				84,494	22,693	20,239	20,239	20,292	0	1,832	1,300	20,771	
3.1	Cải tạo hội trường Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	7004686	011	172/QĐ-SXD 31/10/2016; 213/QĐ-SXD 08/8/2017	2.981	2.981	2,700	2.700	2.935		235		2,935	151/QĐ-STC 21/12/2018

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
3.2	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 04 huyện Đắk Mil	7603051	341	167/QĐ-SXD 31/10/2016	4,000	4,000	3,400	3,400	3,905		505		3,905	58/QĐ-STC 02/5/2019
3.3	Trụ sở làm việc Ban Nội chính Tỉnh ủy	7605819	351	1894/QĐ-UBND 31/10/2016	13,309	13,309	12,139	12,139	12,752		613		12,752	51/QĐ-STC 16/4/2019
3.4	Hỗ trợ có mục tiêu cấp huyện đầu tư đường vào hang động núi lửa Krông Nô				3,740	1,900	2,000	2,000	700			1,300	700	
3.5	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2015-2020	7555184	017	216/QĐ-UBND, 03/02/2016; 1265/QĐ-UBND 02/8/2019	60,464	503					479		479	Đổi ứng NSTW
b	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2018-2020				480,432	398,769	261,931	261,931	175,338	30,000	89,232	10,000	371,163	
3.6	Đường dẫn và cầu kết nối giữa sân vận động tỉnh và đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa			1752/QĐ-UBND, 31/10/2017	18,463	13,500	12,000	12,000	12,000		1,500		13,500	
3.7	Đường cơ động từ trung tâm huyện Tuy Đức đến Đại đội bộ binh 3, huyện Tuy Đức			2546/QĐ-SGTVT, 30/10/2017	13,000	12,000	11,500	11,500	11,500		500		12,000	
3.8	Trạm tiếp nhận vật chất hậu cần - kỹ thuật tỉnh Đắk Nông, hạng mục: Trạm cấp phát xăng dầu			106a/QĐ-SCT, 27/10/2017	2,775	2,775	2,300	2,300	2,300		453		2,753	151/QĐ-STC 30/9/2019
3.9	Đường giao thông liên xã Thuận Hà - Đắk N'drung, huyện Đắk Song			2569/QĐ-SGTVT, 31/10/2017	8,500	7,500	7,000	7,000	6,500		500		7,500	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
3.10	Dự án sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh và sân đường nội bộ			298/QĐ-SXD, 30/10/2017	2,544	2,544	2,300	2,300	2,100		33		2,333	146/QĐ-STC 24/9/2019
3.11	Đường vào thôn 1 (Cồn Dầu) xã Ea Pô, huyện Cư Jút			528/QĐ-SGTVT, 28/3/2016	12,000	12,000	10,000	10,000	10,000		1,000		11,000	
3.12	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình cơ quan Ban Chỉ huy quân sự huyện Tuy Đức	7004686	011	301/QĐ-SXD, ngày 30/10/2017	2,687	2,687	2,500	2,500	2,500		46		2,546	149/QĐ-STC 24/9/2019
3.13	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk			1652/QĐ-UBND, 18/10/2018	20,000	16,000	14,400	14,400	11,500		1,600		16,000	
3.14	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk R'Măng - Quảng Hòa			1310/QĐ-UBND, 27/8/2018	28,000	28,000	16,800	16,800	14,607		8,500		25,300	
3.15	Đường giao thông từ tỉnh lộ 2 qua trung tâm ủy ban nhân dân xã Đắk Sắk nối tỉnh lộ 3. xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil			2417/QĐ-SGTVT, 29/10/2018	14,997	14,997	9,000	9,000	9,000		4,500		13,500	
3.16	Đường giao thông liên xã Đắk Sin - Hưng Bình, huyện Đắk R'Lấp			2334/QĐ-SGTVT, 22/10/2018	14,997	14,997	9,000	9,000	9,000		4,500		13,500	
3.17	Đường từ QL 14C nối trung tâm hành chính huyện Tuy Đức (DDX)			2413/QĐ-SGTVT, 29/10/2018	14,998	14,998	9,000	9,000	9,000		4,500		13,500	
3.18	Dự án Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông			85/QĐ-BQL, 31/10/2018	100,000	100,000	70,000	70,000	1,000			10,000	60,000	
3.19	Nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 1				90,000	90,000	20,000	20,000	20,000	30,000	20,000		70,000	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch 5 năm 2016-2020		Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Đề xuất điều chỉnh bổ sung Kế hoạch trung hạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Bổ sung trung hạn	Điều chỉnh nội bộ			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tăng	Giảm		
3.20	Nơ Trang Long và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912-1936 (giai đoạn 1)			1013/QĐ-SKH, 17/12/2014	67,700		26,131	26,131	26,131		20,000		46,131	
3.21	Đường giao thông liên xã Đắc Sin - Đắc Ru			2435/QĐ-SGTVT, 31/10/2018	14,998	14,998	8,500	8,500	7,000		5,000		13,500	
3.22	Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh, huyện Đắc Song			1323/QĐ-UBND, 27/8/2018	18,000	15,000	8,500	8,500	6,000		6,500		15,000	
3.23	Đường giao thông liên xã Quảng Tâm - Đắc Buk So			2440/QĐ-SGTVT, 31/10/2018	14,000	14,000	8,200	8,200	5,000		4,400		12,600	
3.24	Sửa chữa, xây dựng khu nhà làm việc và nhà truyền thông - thư viện Công an tỉnh Đắc Nông			209/QĐ-SXD, 30/10/2018	7,773	7,773	4,800	4,800	3,200		2,200		7,000	
3.25	Xây dựng thao trường huấn luyện, diễn tập theo tiêu chí 3 trong 1 của Bộ Quốc phòng tại căn cứ chiến đấu của huyện Tuy Đức			2078/QĐ-BCH, 22/10/2018	15,000	15,000	10,000	10,000	7,000		3,500		13,500	
4	Dự nguồn thực hiện các NQ được HĐND tỉnh ban hành; đối ứng các dự án PPP; thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư ngoài các lĩnh vực Y tế, giáo dục, KCN hoặc bố trí quyết toán cho các dự án chờ quyết toán						20,000	20,000	4,656			13,009	6,991	
5	Nguồn bố trí quyết toán cho các dự án chờ quyết toán						7,887	7,887				7,887	0	

Phụ lục số 03

DANH MỤC DỰ ÁN SỬA CHỮA LỚN, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch năm 2016-2020		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
1	2	8	9	10	11	13	14	
TỔNG SỐ				19,330	19,330	17,000	17,000	
STT	Danh mục dự án							
1	Cải tạo, sửa chữa Trung Tâm hội nghị Tỉnh Đắk Nông	2020		4,030	4,030	4,000	4,000	
2	Sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Nông	2020-2021		5,300	5,300	3,000	3,000	
3	Kinh phí hỗ trợ thực hiện GPMB cho dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu theo Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh	2020		10,000	10,000	10,000	10,000	